

Thực trạng nhận thức của học sinh trường dân tộc nội trú về chăm sóc sức khỏe sinh sản: nghiên cứu tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

Trần Thị Phương Thảo
Nguyễn Thị Ngọc Mai

Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên

Bài viết nhằm tìm hiểu thực trạng nhận thức của học sinh trường dân tộc nội trú về chăm sóc sức khỏe sinh sản thông qua một số chỉ báo cụ thể như: Nhận thức của học sinh về giáo dục giới tính, nhận thức về mang thai ngoài ý muốn và hậu quả của nạo phá thai không an toàn... Thông qua đó chỉ ra các yếu tố có ảnh hưởng đến nhận thức của học sinh như nội dung giáo dục trong nhà trường, giáo dục trong gia đình, môi trường xã hội...

1. Mở đầu

Quan hệ tình dục sớm, quan hệ tình dục không an toàn, dễ bị xâm hại tình dục dẫn đến mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục kể cả HIV/AIDS, mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn... đang có xu hướng gia tăng ở lứa tuổi học sinh – sinh viên ở Việt Nam trong những năm vừa qua. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, là do nhận thức của học sinh về các vấn đề liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng nhận thức của học sinh về CSSKSS, qua đó tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của học sinh là một cơ sở quan trọng để xây dựng các giải pháp nhằm góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về CSSKSS.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định lượng: Đề tài thu thập thông tin định lượng bằng bảng hỏi Anket với 140 phiếu hỏi. Với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản

Phương pháp định tính: tiến hành 10 cuộc phỏng vấn sâu với học sinh và 5 phỏng vấn sâu với giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường.

Đồng thời tác giả sử dụng phương pháp phân tích tài liệu đối với các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận thức của học sinh PTDT nội trú Na Rì về tuổi dậy thì.

Tuổi dậy thì – vị thành niên là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em sang người lớn. Độ tuổi vị thành niên là 10 – 18 tuổi. Ở tuổi vị thành niên, dưới tác dụng sinh lý của hormone, cơ thể trẻ em sẽ diễn ra hàng loạt những thay đổi về hình dáng, cơ quan sinh dục, tâm sinh lý, phân biệt rõ giới tính nam/nữ và bắt đầu có khả năng tình dục, khả năng sinh sản.

Theo kết quả khảo sát trên tổng số 140 phiếu với câu hỏi “Em có biết đến khái niệm “tuổi dậy thì” không?” Có 54% học sinh có nghe đến và hiểu khái niệm đó, 36% học sinh có nghe đến nhưng không hiểu, số học sinh biết đến khái niệm nhưng không chắc chắn về khái niệm nên các bạn chọn biết đến nhưng không hiểu. Số học sinh cho rằng chưa được nghe đến bao giờ chỉ chiếm có 3%. Còn lại 7% chọn phương án khác. Như vậy có thể thấy, học sinh hiện nay đã biết đến khái niệm về tuổi dậy thì và có quan tâm đến sức khỏe sinh sản.

3.2. Nhận biết của học sinh PTDT nội trú Na Rì về sự thay đổi sinh lý ở tuổi dậy thì.

Kết quả cho thấy, phần lớn học sinh nữ đều nhận biết được rõ về những dấu hiệu thay đổi trong quá trình dậy thì như xuất hiện kinh nguyệt, sự phát triển lông ở cơ quan sinh dục, sự phát triển của vú và sự thay đổi về vóc dáng cơ thể. 91/96 học sinh nữ tham gia khảo sát đã nhận biết sự lớn lên của mình qua việc xuất hiện kinh nguyệt.

Còn phần lớn các học sinh nam nhận biết cơ thể mình thông qua sự thay đổi về vóc dáng (44 lượt lựa chọn). Tiếp theo đó mới là sự phát triển của cơ quan sinh dục và sự phát triển của lông, râu và vỡ giọng. Tuy nhiên, khi được nhắc đến hiện tượng nổi cục yết hầu, bên cạnh 31,8% học sinh nam nói là có hiện

tượng đó, thì có đến 30/44 học sinh nam chiếm 68,2% nói là không biết và chưa bao giờ có hiện tượng đó.

Khi hỏi các em học sinh cho biết ý kiến của mình về việc “đồng tình” hay “không đồng tình” với ý kiến “có thể quan hệ tình dục trước hôn nhân”, phần đa các em đều nhận biết rằng, quan hệ tình dục trong khi đi học là “không nên” (91,5% nam so với 98,1% nữ). Như vậy, tỉ lệ này ở nam lại thấp hơn ở nữ, vẫn còn 8,5% được hỏi đồng ý với quan hệ tình dục trong khi đang đi học.

3.3. Nhận thức của học sinh PTDT nội trú Na Rì về các biện pháp tránh thai an toàn

Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 97% tổng số học sinh trả lời bảng hỏi đã biết đến các biện pháp tránh thai. Nhìn chung, các em đã có ý thức và hiểu biết tốt hơn về những cách tự bảo vệ bản thân mình và những người có liên quan. Trong tổng 3% còn lại, tương đương 4 học sinh không biết đến các biện pháp tránh thai, có 1 em đã quan hệ tình dục, con số này ở khối 8.

Thuốc tránh thai là biện pháp được biết đến nhiều thứ hai sau bao cao su với 132 lượt lựa chọn. Biện pháp này thường phổ biến hơn với nữ giới. Một số ý kiến cho biết biện pháp tránh thai khác mà các em biết đó là biện pháp đặt vòng. Trong số những học sinh cho rằng mình biết đến các biện pháp tránh thai xuất tinh ngoài có 77 lựa chọn. Ở phương án nạo thai và nút thai cũng có 2 người lựa chọn. Điều này phản ánh rằng còn nhiều học sinh chưa có kiến thức đúng đắn về các biện pháp phòng tránh thai ngoài ý muốn.

3.4. Nhận thức của học sinh về các bệnh viêm nhiễm đường sinh sản và liên quan đến tình dục.

Kết quả cho thấy, HIV/AIDS được biết đến nhiều nhất trong số các bệnh lây lan qua đường tình dục với 136/140 lượt lựa chọn (chiếm 98% tổng số lượt lựa chọn), tiếp đó giang mai là (86 lượt lựa chọn) và sùi mào gà (76 lượt lựa chọn), sau sùi mào gà là viêm gan B (54 lượt chọn).

Sự cách biệt đáng kể về số lượt lựa chọn HIV/AIDS so với các phương án khác là không khó để lý giải. Tuy nhiên những bệnh như Lậu, Mụn rộp sinh học thì tỷ lệ học sinh biết chỉ có 6%. Trong mục câu trả lời mà nhóm phỏng vấn đưa ra còn có đáp án “Tất cả”, nhưng chỉ có 9/140 lượt lựa chọn (6%). Những con số trên cho thấy sự hiểu biết của học sinh tại đây về các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục còn bị hạn chế.

3.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới nhận thức của học sinh trường PTDT nội trú Na Rì về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi.

Cùng với những biến đổi về cơ thể, sinh lý ở độ tuổi học sinh đời sống tâm lý của các em cũng có những thay đổi sâu sắc. Các em dần dần tự chủ về tâm lý, tình cảm, tìm hiểu và có cảm xúc về giới tính, đồng thời suy nghĩ về vai trò tương lai của các em trong xã hội. Quá trình này diễn ra dần dần, đem đến cảm xúc cho các em và cảm xúc này đôi khi không ổn định. Một số em có thể cảm thấy thất vọng, vỡ mộng và bị tổn thương, nhưng trong chốc lát lại có thể trở nên sôi nổi, lạc quan.

Do quy luật phát triển không đồng đều về mặt tâm lý, do những điều kiện, hoàn cảnh sống và cách thức giáo dục khác nhau, không phải bất cứ học sinh nào cũng được phát triển tối ưu, độ chín muồi trong suy nghĩ và hành động còn hạn chế, không tránh khỏi những hạn chế chung của lứa tuổi học sinh. Đó là sự hạn chế về kinh nghiệm sống, thiếu chín chắn trong suy nghĩ, hành động, đặc biệt hạn chế trong việc chọn lọc, tiếp thu học hỏi những cái mới. Chính những yếu tố nhu cầu, tính tích cực nhận thức, sự quan tâm của học sinh đến vấn đề CSSKSS có ảnh hưởng quyết định đến nhận thức của họ đối với vấn đề. Khi học sinh có nhu cầu cao, thể hiện tính tích cực cao, sự quan tâm cao đối với CSSKSS thì kết quả nhận thức của họ về CSSKSS cũng sẽ cao hơn.

Ảnh hưởng từ phía gia đình

Phương pháp giáo dục giới tính, tình dục của cha mẹ hiện nay hầu hết là nêu gương, tức là tránh tình cảm thân mật, tránh có những lời nói, hành động cử chỉ âu yếm, gần gũi trước mặt con cái. Điều này xét trên một phương diện nào đó lại phản tác dụng. Nó không nhằm tạo ra sự thuận lợi, sự hiểu biết lẫn nhau, vì bị ngăn cấm không được thỏa mãn nhu cầu tự nhiên, giao tiếp với người khác giới, trao đổi tâm tư tình cảm nên khi thoát khỏi sự quản lý của gia đình, rất dễ dẫn đến quan hệ tình dục trước hôn nhân.

Tuy nhiên trên thực tế cha mẹ chưa phát huy được tác dụng trong giáo dục CSSKSS cho con cái, một phần do nhận thức của chính cha mẹ đối với vấn đề này cũng chưa thật đầy đủ và chính xác, mặt khác họ không biết cách để giáo dục, tâm sự với con về vấn đề này. Do sự thiếu hiểu biết chính xác hoặc không biết cách nói chuyện với con cái khiến học sinh dễ thu nhận thông tin từ các nguồn khác như bạn bè đồng lứa, phương tiện truyền thông không được kiểm soát. Bên cạnh đó cha mẹ cũng chưa thực sự quan tâm tới việc giáo dục CSSKSS cho con cái, một bộ phận còn có quan điểm không nên giáo dục vấn đề này cho con khi con còn ngồi trên ghế nhà trường. Chính những điều đó khiến cho sinh viên ít nhận được sự giáo dục của gia đình về CSSKSS.

Giáo dục trong Nhà trường

Giáo dục CSSKSS trong nhà trường đã được nhắc tới nhiều. Việc giáo dục SKSS trong nhà trường có một vai trò quan trọng trong giáo dục nhân cách con người nói chung. Nhà trường, thông qua các môn học, các chuyên đề, các hoạt động với một đội ngũ những người có tri thức về lĩnh vực CSSKSS vừa có phương pháp giáo dục khoa học, phù hợp có thể cung cấp cho học sinh một hệ thống tri thức khoa học, chính xác về CSSKSS. Những tri thức về CSSKSS mà học sinh đã được học ở nhà trường là những tri thức nền tảng, trên cơ sở đó họ có thể mở rộng vốn hiểu biết của mình thông qua các nguồn khác. Tuy có điều kiện thuận lợi về con người nhưng việc giáo dục CSSKSS trong nhà trường lại gặp phải khó khăn là thời lượng dành cho các nội dung CSSKSS quá ít. CSSKSS là vấn đề học sinh có nhu cầu tìm hiểu nhưng đây là vấn đề khá nhạy cảm, việc giáo dục ở lớp sẽ gây nên những e ngại cho người học. tất cả những điều đó cũng ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của việc giáo dục CSSKSS trong nhà trường, vì thế ảnh hưởng đến nhận thức của học sinh về vấn đề này.

4. Kết luận

CSSKSS không chỉ là vấn đề của bản thân mỗi cá nhân mà nó là vấn đề cả gia đình và xã hội cần quan tâm. Qua nghiên cứu cho thấy thực trạng nhận thức của học sinh trường PTDT nội trú huyện Na Rì về CSSKSS: Về cơ bản học sinh đã có được nhận thức về các nội dung liên quan đến CSSKSS nhưng chưa thực sự toàn diện. Vẫn còn một bộ phận học sinh có nhận

thức hạn chế. Sự hạn chế đó có thể do ảnh hưởng bởi một số yếu tố liên quan từ phía: thiếu sự thiếu quan tâm của gia đình, môi trường sống thiếu lành mạnh, bị ảnh hưởng bởi bạn bè và lối sống phương tây do các phương tiện truyền thông đại chúng như phim ảnh, tạp chí, văn hóa phẩm đồi trụy, yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, tộc người...

Tài liệu tham khảo

Bùi Ngọc Oánh (2006), Tâm lý học giới tính và giáo dục học giới tính, Nxb Giáo dục, Hà Nội

Đỗ Thị Thanh Thủy (2000), Thực trạng nhận thức và nhu cầu của HS THPT Hà nội về GD SKSS, Luận án Thạc sĩ Tâm lý học, Hà Nội

Đại học quốc gia Hà Nội, Nguyên cứu về chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản tuổi vị thành niên từ 12-16 tuổi ở các dân tộc thiểu số vùng núi Tây Bắc, Nguyên cứu khoa học (2014), Hà Nội

Đào Xuân Dũng (2002), Giáo dục giới tính vì sự phát triển của vị thành niên (Trung tâm nghiên cứu giới, gia đình và môi trường trong phát triển), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên 2008) - Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Kế Hào - Phan Trọng Ngọ - Đỗ Thị Hạnh Phúc, Tâm lý học phát triển, Nxb Đại học sư phạm

Phân tích tác động của các nhân tố đến...

Tiếp theo trang 118

Tài liệu tham khảo

P.K. Thornton *, J. van de Steeg, A. Notenbaert, M. Herrero (2009), "The impacts of climate change on livestock and livestock systems in developing countries: A review of what we know and what we need to know", International Livestock Research Institute (ILRI).

Robert Premier (2015). "ASEAN Good Animal Husbandry Practices For Layers and Broilers - Food Safety Module", ASEAN Secretariat Publisher

Robert Premier (2017), "ASEAN Good Animal Husbandry Practices For Layers and Broilers - Strategic Plan 2014-2016 ", ASEAN Secretariat

Publisher.

Fao (2004), "Good Agricultural Practices - a working concept", Food and Agriculture Organization of the United Nations, truy xuất ngày 3/3/2020 từ <http://www.fao.org/3/ag856e/ag856e00.html>.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2016), "Quyết định số 2509/QĐ-BNN-CN về quy chế chứng nhận và quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ", ban hành ngày 22/06/2016